

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2019/HS-PT
Ngày 06 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng
Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Kông – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 153/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo D, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 154/2019/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: D, sinh năm 1984; Nơi sinh: Tỉnh Thanh Hóa; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T và bà Tu (đã chết); vợ: Th; con: 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/11/2018, D thấy nhà tại thành phố Cà Mau treo bảng bán nhà. D liên

hệ gặp ông C, bà L (chủ ngôi nhà). Qua trao đổi, D biết nhà bán giá 4.700.000.000 đồng. D hỏi ông C và bà L xin 01 bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

D khai: Do muốn mua nhà nhưng không đủ tiền nên D liên hệ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn hỏi thế chấp ngôi nhà trên để vay tiền. D dẫn nhân viên tín dụng đến xem nhà, được Ngân hàng đồng ý cho vay 3.000.000.000 đồng. Do bị ghi nợ xấu trong hệ thống Ngân hàng nên D dùng Giấy chứng minh nhân dân anh Đ đứng tên giao dịch. Do chưa đủ tiền, D nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của ông C và bà L để thế chấp cho người khác lấy tiền. D lên mạng internet tìm kiếm người làm giả giấy tờ. Qua số điện thoại, D liên lạc với người thanh niên tên Du. Du và D thống nhất làm giấy tờ giả nội dung giống toàn bộ với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở thật của ông C, bà L. Tại trang số 4 ghi thêm nội dung “*Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ, sinh năm 1983, số chứng minh nhân dân: 38.....; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Theo hồ sơ số 06325.CN.006/ Phần xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: Ngày 26/11/2018, PHÓ GIÁM ĐỐC, Chữ ký của ông N*” với giá thỏa thuận là 15.000.000 đồng. D dùng điện thoại chụp hình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo) của ông C, bà L, Giấy chứng minh nhân dân của Đ gửi qua Zalo cho Dũng và chuyển phát nhanh số tiền 1.000.000 đồng tiền cọc cho Du qua tài khoản nhận là LUU CHI KHANG. Đến ngày 24/11/2018, D lên Thành phố Hồ Chí Minh liên hệ với Du thì được một người đàn ông không rõ nhân thân đến gặp lấy số tiền 14.000.000 đồng và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được làm giả cho D.

D đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp chị H vay tiền. D dẫn chị H đến xem nhà, chị H đồng ý cho vay 2.000.000.000 đồng. D đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho chị H giữ và hẹn đến Văn phòng Công chứng làm hợp đồng thế chấp vay tiền.

Khoảng 15 giờ ngày 04/12/2018, chị H và D đến Văn phòng Công chứng làm thủ tục. Qua xem xét, nhân viên văn phòng công chứng nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên trình báo công an phường 7, thành phố Cà Mau, tạm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Việc làm giấy tờ giả của D anh Đ không biết.

- Tại kết luận giám định số 177/GĐ-2018 ngày 05/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

1. Phôi “**GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**, Số BL 624622, ngày 28/2/2013 (ký hiệu A)” là phôi giả.

2. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU - TỈNH CÀ MAU ★**”, dưới mục “**PHÓ CHỦ TỊCH**” trên “**GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**”, Số: BL 624622, ngày 28/02/2013 (Ký hiệu A)

không phải do con dấu tròn màu đỏ có nội dung “**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU - TỈNH CÀ MAU ★**” đóng dưới mục: “**PHÓ CHỦ TỊCH**”; trên các tài liệu: Công văn số: 683/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013; Công văn số: 684/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013; Công văn số: 685/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013; Công văn số: 688/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013; Công văn số: 689/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013 (Ký hiệu từ **M2** đến **M6**) **đóng ra**.

3. Chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Huỳnh Thanh Dũng, dưới mục “**PHÓ CHỦ TỊCH**” trên “**GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**”, Số BL 624622, ngày 28/3/2013 (Ký hiệu A) so với chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Huỳnh Thanh Dũng, dưới mục “**PHÓ CHỦ TỊCH**” trên các tài liệu: Công văn số: 683/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013; Công văn số: 684/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013; Công văn số: 685/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013; Công văn số: 688/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013; Công văn số: 689/UBND-ĐT, ngày 23/5/2013 (Ký hiệu từ **M2** đến **M6**) là **không phải** do cùng một người ký ra.

4. Chữ ký, phía dưới chữ ký có ghi họ tên Nguyễn Tấn Cường, ở cột “**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền**” dưới mục “**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**” trên “**GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**”, Số BL624622, ngày 28/02/2013 (Ký hiệu A) so với **06** (Sáu) chữ ký dưới mục “**Cùng tiến hành lập biên bản về việc thu mẫu chữ ký của ông Họ và tên Nguyễn Tấn Cường**” trên “**BIÊN BẢN V/v thu mẫu chữ ký**” ngày 20/12/2018, (Ký hiệu M7) là **không phải** do cùng một người ký ra.

5. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “**VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH CÀ MAU ★ CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ CÀ MAU**” ở cột “**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền**” dưới mục “**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**” trên “**GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**”, BL624622, ngày 28/02/2013 (Ký hiệu A) **không phải** do con dấu tròn màu đỏ có nội dung: “**VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH CÀ MAU ★ CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ CÀ MAU**” đóng dưới mục “**Cùng tiến hành lập biên bản về việc thu mẫu dấu của cơ quan: Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP Cà Mau. Mẫu dấu sử dụng từ ngày 01/01/2016 đến nay.**” trên “**BIÊN BẢN V/v thu mẫu dấu**” ngày 06/12/2018 (Ký hiệu **M8**) **đóng ra**.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 154/2019/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo D phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Phạt bị cáo D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo D phải chịu 200.000 đồng.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019 bị cáo D có đơn kháng cáo (Đơn đề ngày 26/8/2019) yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ cho bị cáo xuống hình phạt cải tạo không giam giữ với lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân không tiền án, tiền sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo D; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 154/2019/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1] D là bị cáo trong vụ án; Đơn kháng cáo của bị cáo D trong thời hạn luật định, được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 333 – Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xem xét, giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo D thừa nhận: Do biết ông C, bà L bán ngôi nhà tại thành phố Cà Mau nên bị cáo hỏi mua và xin được bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của ông C và bà L. Thông qua mạng xã hội, bị cáo thuê người tên Du không rõ nhân thân làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tên ông C và bà L. Tại trang số 4 ghi thêm nội dung: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ. Có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo đem thế chấp cho chị H để vay tiền. Không biết giấy giả nên chị H đồng ý cho vay với số tiền 2.000.000.000 đồng. Ngày 04/12/2018, tại Văn phòng công chứng, tiến hành làm thủ tục để thế chấp cho chị H thì bị phát hiện giấy giả.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác định hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu, không oan – sai. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra do bị cáo tự khai, không bị ép cung, mớm cung. Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Hành vi bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tên ông C và bà L do bị cáo thuê người tên Du làm giả thế chấp cho chị H để vay tiền là vi phạm pháp luật hình sự. Hành vi này của bị cáo là hành vi sử dụng tài

liệu giả của cơ quan, tổ chức thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi của bị cáo phạm vào Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 341 – Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm số 154/2019/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt bị cáo D phạm tội theo khoản 1 Điều 341 – Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên án sơ thẩm có sai sót đó là: Phần tội danh đối với bị cáo D tuyên phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tuyên như vậy là chưa rõ ràng. Bởi lẽ, tội phạm được quy định tại Điều 341 của Bộ luật hình sự là tội ghép. Trong vụ án này bị cáo chỉ thực hiện hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thực hiện hành vi trái pháp luật. Việc sai phạm này xét thấy không xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án; Việc sai sót này cấp phúc thẩm khắc phục được nên sửa án sơ thẩm về phần tội danh đối với bị cáo. Do đó cần sửa lại tội danh đối với bị cáo D cho chính xác là Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo, nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt tù là tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo gây ra. Án sơ thẩm đã xem xét và áp dụng cho bị cáo tất cả các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo đã nêu trong đơn kháng cáo. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 tháng tù là đã cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất hình phạt tù của khung hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ hay tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 333; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo D; Giữ nguyên về mức hình phạt tù đối với bị cáo D; Sửa phần tuyên xử về tội danh đối với bị cáo D.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 23 – Nghị quyết số 326 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bị cáo D phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tuyên phạt: Bị cáo D **06 (sáu)** tháng tù; Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt D đi chấp hành hình phạt tù.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo D phải chịu 200.000 đồng; Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo D phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Tp.Cà Mau;
- Công an Tp.Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Miến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Miến

